

Ngày 12.3.2018, Trương Văn B đến gặp chị Nguyễn Ngọc Phương T ký hợp đồng thuê xe ô tô biển số 43A- 059.41, thời hạn từ ngày 12.3.2018 đến 12.9.2018 (xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần P, do ông Nguyễn Văn T, chồng bà T là Giám đốc công ty), B đã chuyển tiền thuê xe cho chị T 01 tháng từ 12.3.2018 đến 11.4.2018 là 10.000.000 đồng. Sau khi thuê xe, B liên hệ trên mạng xã hội đặt mua giấy đăng ký xe ô tô giả biển số đăng ký 43A- 059.41 mang tên Trương Văn B (B không biết lai lịch của người bán giấy tờ giả). Ngày 15.3.2018, B đưa xe ô tô này đến hiệu cầm đồ K thành phố Đà Nẵng cầm cố cho ông Lữ Mạnh H (chủ tiệm K) để lấy số tiền 220.000.000 đồng, số tiền này B sử dụng cá nhân hết. Ngay sau đó, em gái của B là Trương Thị Thanh T phát hiện việc làm sai trái của anh trai mình nên cùng B đến tiệm cầm đồ K lấy lại xe ô tô đem trả cho chị T. Đến ngày 30.3.2018, B đến gặp chị T để thuê lại xe ô tô 43A - 059.41, do trước đó B đã trả tiền thuê xe cả tháng nhưng chưa sử dụng xe hết thời gian thuê nên chị T không nghi ngờ gì vẫn giao xe ô tô cho B sử dụng. Sau khi nhận xe ô tô 43A- 059.41 từ chị T, B đã sử dụng giấy tờ xe giả đã mua trước đó và đem xe đến tiệm cầm đồ K để cầm cố xe ô tô thời hạn từ 30.3.2018 đến 30.4.2018 lấy 220.000.000 đồng để đầu tư tiền ảo và thua hết.

Ngày 10.4.2018, Trương Văn B liên hệ qua điện thoại với chị Hồ Thị Tố Q để hỏi thuê xe ô tô. Sáng ngày 12.4.2018, B đến gặp chị Q nói thuê xe cho Công ty để sắp đi làm, hai bên thỏa thuận tiền thuê xe 14.000.000 đồng/tháng và tiền đặt cọc thuê xe là 14.000.000 đồng, nếu bên thuê xe vi phạm hợp đồng sẽ mất tiền cọc. Khoảng 15h00 cùng ngày, B chuyển vào tài khoản chị Q số tiền thuê xe là 13.000.000 đồng. Sáng ngày 12.4.2018, B đến gặp chị Hồ Thị Tố Q để ký hợp đồng thuê xe ô tô BS 43A- 338.57, thời hạn từ ngày 12.4.2018 đến ngày 12.6.2018 và đưa thêm cho chị Q số tiền 15.000.000 đồng như đã thỏa thuận và nhận xe. Trước khi nhận xe ô tô 43A- 338.57 từ chị Q, B đã lấy thông tin về xe để đặt mua giấy đăng ký xe giả và ngay sau khi thuê xe, B tiếp tục đem xe ô tô và giấy đăng ký xe ô tô giả đến hiệu cầm đồ K cầm cố cho ông H lấy số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn cầm cố từ ngày 12.4.2018 đến ngày 12.5.2018. Số tiền này, B đầu tư tiền ảo và thua hết.

Khi sắp hết thời hạn cầm cố xe ô tô 43A- 059.41, ông H liên lạc để nhắc nhở B trả tiền và lấy lại xe nhưng không được, nghi ngờ nên ông H kiểm tra thì phát hiện B không phải là chủ sở hữu các xe ô tô đã cầm cố. Ngày 26.4.2018, ông H có đơn trình báo sự việc đến Cơ quan Công an thành phố Đà Nẵng.

* Theo kết luận giám định số 76 ngày 08.6.2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 052355 ghi cấp ngày 22.3.2018 ký hiệu

A1 là giả. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012594 ghi ngày 12.8.2015 ký hiệu A2 là giả.

* Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng, trị giá 02 xe ô tô là 914.750.000 đồng.

Ngày 05.5.2018, gia đình Trương Văn B đã bồi thường toàn bộ số tiền 620.000.000 đồng cho ông Lữ Mạnh H. Ngày 07.5.2018, ông H có đơn bãi nại đối với Trương Văn B.

Ngày 14.6.2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng đã xử lý vật chứng trả 02 xe ô tô BK.S 43A- 059.41 và 43A- 338.57 cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Ngọc Phương T và Hồ Thị Tố Q.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định: bị cáo Trương Văn B phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*",

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Văn B 08 (tám) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Văn B 02 (hai) năm tù về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trương Văn B phải chấp hành chung cho cả 2 tội là 10 (mười) năm tù. Thời gian chấp hành phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/10/2019.

Ngày 08/12/2019 bị cáo Trương Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 08/QĐ-VKS-P3 ngày 09/12/2019 kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về việc áp dụng tội danh; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự tuyên bị cáo B phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh khó khăn do phải nuôi con nhỏ và hành vi của bị cáo là sử dụng tài liệu giả chứ không làm tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia phiên tòa đã thực

hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; về kháng nghị: Rút kháng nghị số 08/QĐ-VKS-P3 ngày 09/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; về kháng cáo đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Trương Văn B đã thuê xe ô tô BKS 43A-059.41 của Công ty cổ phần P, do ông Nguyễn Văn T làm giám đốc và xe ô tô BKS 43A-338.57 của chị Hồ Thị Tố Q rồi thông qua mạng xã hội, liên hệ tìm kiếm người làm giả 02 Giấy nhận đăng ký xe ô tô trên đứng tên Trương Văn B để cầm cố xe cho ông Lữ Mạnh H lấy số tiền 620.000.000đ tiêu xài cá nhân hết, không lấy lại xe để trả cho chủ sở hữu theo đúng hạn hợp đồng thuê là hành vi “*lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Đồng thời, bị cáo tự liên hệ tìm kiếm người có khả năng làm giả tài liệu, cung cấp thông tin cho người đó làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức như mong muốn của mình rồi trả tiền công cho họ là hành vi khởi xướng, chủ mưu của “*tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*”, người trực tiếp làm giả tài liệu để hưởng tiền công là người thực hành. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trương Văn B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị: tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã rút Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-P3 ngày 09/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm cần căn cứ Điều 342, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng nghị này.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là trên 500.000.000đồng.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*”, cho nên đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thì đây được xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đối với tội “*Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức*” do tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” đã được Bản án sơ thẩm quyết định là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, nhưng lại tiếp tục áp dụng là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của BLHS. Tuy nhiên do xem xét khi bỏ tình tiết tăng nặng này thì mức hình phạt 02 năm tù là phù hợp nên cần giữ ổn định của

bản án sơ thẩm đã tuyên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy chỉ cần điều chỉnh bỏ tình tiết tăng nặng này đối với tội “*Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức*”, không cần phải sửa án sơ thẩm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; đã bồi thường toàn bộ hậu quả cho người bị hại, người bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; hoàn cảnh của bị cáo hiện nay rất khó khăn, ly hôn vợ và đang một mình nuôi con nhỏ. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xem xét về hoàn cảnh khó khăn, đánh giá về tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội để xử phạt bị cáo tổng cộng 10 năm tù cho cả 02 tội trong vụ án này là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000 đồng.

[5] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ Điều 342, Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm.

2- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Văn B 08 (tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Văn B 02 (hai) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trương Văn B phải chấp hành chung cho cả 2 tội là 10 (mười) năm tù. Thời gian chấp hành phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/10/2019.

3- Về án phí phúc thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4- Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV, C. an TPĐN
- Cơ quan CSTHAHS, Công an thành phố ĐN;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Hòa Sơn, công an Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long